

Số: 1529 /QĐ-UBND

Kỳ Lừa, ngày 30 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng dự án
Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS Cao Lộc

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG KỲ LỬA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26 tháng 11 năm 2024 và Luật số 144/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan đến quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu phía Đông, thành phố Lạng Sơn, tỷ lệ 1/2.000;

Xét Tờ trình số 902/TTr-KTHTĐT ngày 28 tháng 9 năm 2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Kỳ Lừa về việc đề nghị chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng Dự án Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS Cao Lộc.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng dự án Bổ sung cơ sở vật chất trường trung học cơ sở Cao Lộc, với các nội dung chính như sau:

I. Tên đồ án quy hoạch:

Quy hoạch tổng mặt bằng công trình: Bổ sung cơ sở vật chất trường trung học cơ sở Cao Lộc, tỷ lệ 1/500.

II. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô:

- Phạm vi: Căn cứ vào địa hình thực tế trường, phạm vi nghiên cứu quy hoạch chi tiết xây dựng trên tỷ lệ 1/500 được xác định như sau:

- + Phía tây giáp đường bê tông.
- + Phía bắc, phía đông, phía đông nam giáp đất nông nghiệp
- + Phía nam giáp khu ở hiện trạng

- Quy mô:

- Diện tích đất nghiên cứu quy hoạch là 11.898,4 m².
- Diện tích đất hiện tại của trường hiện đang quản lý 8.122,3m². Diện tích đất trường theo quy hoạch chung thị trấn là 1,19ha (11.898,4m²). Quy hoạch phân khu ranh giới đất trường sẽ mở rộng về phía bắc, đông và đông nam diện tích 3.776,1 m².

III. Sự cần thiết, mục tiêu quy hoạch:

a) Sự cần thiết:

Căn cứ chủ trương và kế hoạch đầu tư, trình tự thực hiện dự án đầu tư được nhà nước quy định thì việc lập quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỉ lệ 1:500 là bước quan trọng trước khi lập dự án xây dựng công trình cũng như các bước tiếp theo của dự án. Lập quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng Bổ sung cơ sở cất chất trường THCS Cao Lộc sẽ giúp Chủ đầu tư thực hiện đúng các quy định của nhà nước trong xây dựng cơ bản như:

- Xác định quy mô công trình;
- Xác định cốt san nền đối với quy hoạch chung trong khu vực, các dự án và dân cư lân cận;
- Mật độ xây dựng các công trình trên khu đất;
- Hệ thống giao thông, cây xanh cách ly trong công trình;
- Hệ thống cấp thoát nước, hệ thống cấp điện chiếu sáng, cấp điện đến trong hạng mục công trình;
- Hệ thống phòng cháy chữa cháy;
- Và các quy định khác có liên quan.

Ngoài ra việc bố trí hợp lý các công trình trong tổng mặt bằng sẽ giúp Chủ đầu tư thực hiện tốt hơn trong việc triển khai xây dựng các hạng mục của dự án, tránh việc đầu tư bất hợp lý ảnh hưởng tới hiệu quả kinh tế của dự án.

b) Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hoá Quy hoạch phân khu phía Đông thành phố Lạng Sơn, đã được phê duyệt tại Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc Phê duyệt Quy hoạch phân khu phía Đông thành phố Lạng Sơn, tỷ lệ 1/2.000.

- Định hướng phát triển không gian phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống các công trình công cộng, điểm dân cư. Đảm bảo kết nối đồng bộ với các khu vực lân cận.

- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, cải tạo môi trường.
- Tạo cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng theo quy hoạch trong khu vực nghiên cứu quy hoạch. Làm cơ sở để triển khai các bước tiếp theo theo quy hoạch.

IV. Yêu cầu, định hướng chính tại quy hoạch phân khu liên quan đến đồ án quy hoạch tổng mặt bằng trường THCS Cao Lộc

Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng trường THCS Cao Lộc đảm bảo theo các quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành quy định tiêu chuẩn sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, phù hợp với Quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế trường Trung học. Phù hợp với định hướng chính tại quy hoạch phân khu phía Đông thành phố Lạng Sơn.

Tại Quy hoạch phân khu phía Đông thành phố Lạng Sơn, công trình xây mới thuộc dự án có vị trí nằm trong ranh giới đất quy hoạch và trong ranh giới trường hiện có. Các chỉ tiêu quy hoạch chung cho lô đất như sau:

- Diện tích đất: 11.898,4 m²
- Mật độ xây dựng tối đa: 40%
- Tầng cao tối đa: 04 tầng
- Hạ tầng quy hoạch chung liên quan đến đồ án quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng trường THCS Cao Lộc như sau:

+ Giao thông: Đường quy hoạch tiếp giáp phía Tây trường có chỉ giới 3,5m, lòng đường 3,5m và không có vỉa hè.

+ Cấp nước: Quy hoạch có tuyến đường ống HDPE D160 trên đường khu quy hoạch phía Nam cách trường 50m cấp nước khu vực.

+ Thoát nước mưa: Quy hoạch có tuyến cống BTCT D800 trên đường Khòn Cuồng cách trường 50m thoát nước mưa tuy nhiên để làm đường thoát nước mưa ra đường Khòn Cuồng thì phải làm tại đường bê tông vào trường nên kinh phí làm đường thoát nước và hoàn trả mặt bằng kinh phí sẽ cao. Mặt khác trường chỉ cách suối 15m do đó quy hoạch thoát nước mưa cục bộ cho trường theo hướng địa hình và khả thi nhất có thể.

+ Thoát nước bản: Quy hoạch có tuyến cống BTCT D300 của tuyến đường khu vực cách trường 50m và trạm xử lý nước thải 02 công suất 1.500m³/ngày đêm cách trường khoảng 770m về phía Tây Nam

+ Chất thải rắn: Quy hoạch điểm thu gom chất thải rắn theo quy hoạch chung thành phố Lạng Sơn

+ Cấp điện: Quy hoạch tuyến điện cấp trên đường khu vực cách trường 80m nguồn cấp điện trạm biến áp 320KVA 35/0.4kv cấp điện cho khu vực và cho trường, cách trường 75m tuy nhiên đường cấp điện theo tuyến đường khu vực và theo đường vào trường sẽ có khoảng cách trên 100m.

V. Các chỉ tiêu quy hoạch chủ yếu:

- Quy mô diện tích khu vực nghiên cứu là 11.898,4 m²;

Bảng cơ cấu sử dụng đất Quy hoạch trường THCS Cao Lộc

Ký hiệu	Danh mục đất và các hạng mục công trình trong phạm vi quy hoạch trường	Diện tích xây dựng (m ²)	Mật độ (%)	Tầng cao (tầng)	Diện tích sàn xd (m ²)
	Ranh giới đất quy hoạch trường	11.898,4	100,00		
1	Nhà bảo vệ hiện có	21		01	21
2	Nhà hiệu bộ quy hoạch	162		03	486
3	Nhà lớp học hiện có	376		03	1.128

4	Nhà đa năng quy hoạch	550		01	550
5	Nhà trạm bơm PCCC	14		01	14
6	Nhà lớp học quy hoạch	452		04	1.808
7	Nhà lớp học quy hoạch xây mới	670		04	2.680
8	Nhà xe giáo viên hiện có	171		01	171
9	Nhà xe học sinh quy hoạch	606		01	606
10	Nhà vệ sinh giáo viên hiện có	25		01	25
11	Nhà vệ sinh học sinh hiện có	42		01	42
12	Cổng chính				
13	Cổng phụ				
I	Đất xây dựng công trình	3.089	25,96		7.531
II	Đất Giao thông nội bộ	3.792,4	31,87	Sân đường bê tông	
	Sân bê tông	2.532,4			
	Sân lát gạch	1.260			
IV	Đất cây xanh, sân tập	5.017	42,17	Sân vườn	
	Sân tập thể dục thể thao	1.704			
	Đất vườn cây xanh	3.791			

Bảng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch tăng cao trường THCS Cao Lộc

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng mặt bằng hiện trạng	Tổng mặt bằng Quy hoạch	Ghi chú
1	Diện tích tổng mặt bằng	8.122,3	11.898,4	M2
2	Mật độ xây dựng	29,28	25,96	%
a	Mật độ xây dựng công trình	29,28	25,96	%
b	Giao thông nội bộ	60,3	31,87	%
c	Cây xanh, sân tập	10,42	42,17	%
3	Hệ số sử dụng đất	0,61	0,63	Lần
4	Tăng cao tối đa	03	04	Tầng

VI. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật:

1. Quy hoạch nền xây dựng

* Quy hoạch san nền.

- Phạm vi san nền: Trong ranh giới quy hoạch và kết nối đường vào, sân công và sân thể thao, nền công trình hiện trạng và xây mới

Cốt không chế:

+ Cao độ khảo sát và cao độ thiết kế lấy theo cốt dẫn của hệ chuẩn Quốc gia.

+ Cao độ không chế căn cứ vào các cao độ mặt bằng hiện trạng của trường.

Quy hoạch san nền khu đất phía bắc, phía đông hiện là đất vườn có diện tích 3.776,1m² có nền không bằng phẳng và chênh thấp hơn 2,76-7,13m. Thiết kế khu đất mở rộng xây dựng thành 02 cốt có cao độ chênh cao 2,3m: Cốt thấp có cao độ 247,5m-247,9m; cốt cao có cao độ 250,0m-250,2m

- Cao độ đường tiếp giáp phía bắc: 246,20m – 249,50m

- Cốt đường vào : 247,40m (cổng chính) – 249,50m (cổng phụ)
- Cốt sân trường hiện trạng: 247,50m – 247,95m (Sân thấp) và 249,66m-250,87m (sân cao)
- Cốt sân tập thể thao: 249,50 m – 251,10 m
- Cốt sân trên quy hoạch nhà xây mới: 249,66m-250,87m

2. Quy hoạch giao thông

* Phương án đầu nối giao thông, các hướng kết nối về hạ tầng kỹ thuật đối với khu vực khác liền kề: Giao thông đối ngoại có đường ngõ hiện trạng tiếp giáp phía tây trường rộng 3,5m (đường rẽ từ đường Khòn Cuồng vào trường và khu dân cư) quy hoạch tuyến đường từ Khòn Cuồng tới tiếp giáp phía tây ranh giới đất trường cao độ 246,2m-249,5m. tương đương cao độ đường ngõ hiện trạng. Chỉ giới đường 3,5m (không có vỉa hè). Giao thông tiếp cận trường hiện có duy nhất đường ngõ trên, khoảng cách từ đường Khòn Cuồng đến ranh giới đất trường khoảng 80m. Cốt đường hiện trạng thấp hơn nền trường hiện trạng. Do tuyến đường quy hoạch tiếp cận trường không có vỉa hè nên người đi bộ đi sát phía bên phải đường tránh ảnh hưởng giao thông chung. Bề mặt đường 3,5m đảm bảo xe cứu thương và xe chữa cháy tiếp cận.

- Giao thông nội bộ: từ cổng tiếp cận đến các công trình qua sân bê tông, đảm bảo bề rộng đường tiếp cận từ 5,5m-6m. Lưới đường khép kín, đảm bảo tầm nhìn giữa các nút giao thông và đầu nối với giao thông hiện trạng đảm bảo xe PCCC, xe cứu thương tiếp cận các khối công trình trong tổng mặt bằng trường. Phía trước cổng chính để khoảng lùi có diện tích 160m² làm điểm đón trả học sinh.

- Cao độ khống chế: Cao độ được khống chế theo tuyến giao thông hiện trạng đường ngõ vào trường và cao độ nền trường hiện trạng. Điểm kết nối với đường quy hoạch cao độ 247,4m tại cổng chính và 249,5m tại cổng phụ.

3. Giải pháp thiết kế điện và mạng thông tin

3.1. Giải pháp thiết kế điện

- Lưới điện: Lưới 35(22)KV: Đường dây 35kv cấp điện cho các khu vực thuộc huyện Lộc Bình đi nổi dây AC-240 .

- Nguồn điện :

Điểm đầu cấp điện vào trường đi nổi có chiều dài khoảng 78m hiện được kéo bằng cột bê tông đặt bên đường vào. Nguồn điện sử dụng cho trường hiện đang ổn định. Dự án xây thêm các nhà mới, điện cấp đi nổi cáp treo trên cột hiện trạng, đến cột điện trong khuôn viên trường, hạ ngầm tới các khối nhà xây mới.

* Quy hoạch điện chiếu sáng :

Hiện tại trường chưa có hệ thống chiếu sáng ngoài nhà. Trên vị trí quy hoạch xây dựng mới, bố trí các cột đèn cao áp chiếu sáng sân vườn.

- Phụ tải cho công trình công:

Bảng Chỉ tiêu cấp điện và điện năng tiêu thụ trường học

CHỈ TIÊU TÍNH TOÁN PHỤ TẢI ĐIỆN					
TT	TÊN HỘ SỬ DỤNG ĐIỆN	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỈ TIÊU	DIỆN TÍCH (M ²)	CÔNG SUẤT (W)
A	NHÀ LỚP HỌC XÂY MỚI	W/m ²	25	2.010	50.250

B	NHÀ HÀNH CHÍNH QUY HOẠCH	W/m ²	25	486	12.150
C	NHÀ LỚP HỌC QUY HOẠCH	W/m ²	25	1.137	28.425
D	NHÀ ĐA NĂNG QUY HOẠCH	W/m ²	25	550	13.750

3.2. Lưới điện hạ thế 0,4 KV:

- Lưới điện hạ áp chọn cấp điện áp 380/220V đi ngầm, dùng cáp ngầm hạ thế 0.4kV dẫn đến tủ điện của các khối nhà.

- Dây dẫn:

+ Lộ chính dùng cáp treo hạ thế 0.4kV (4x70)mm²

3.3. Quy hoạch Mạng thông tin liên lạc.

- Khu vực quy hoạch hiện nay nằm trong hệ thống viễn thông của phường Kỳ Lừa. Chính vì vậy khu vực thiết kế luôn được đảm bảo về dung lượng cũng như lưu lượng thuê bao khi có nhu cầu.

- Mạng lưới hữu tuyến đi ngầm cùng hệ thống chiếu sáng khu vực trong hợp kỹ thuật sử dụng chung.

Hệ thống cáp mạng được bố trí dọc theo các tuyến giao thông nội bộ bao gồm tuyến đường ống luồn cáp. Dọc theo tuyến ống bố trí trên các cột hiện có. Tại mỗi hạng mục được cung cấp hệ thống mạng thông tin bố trí 1 tủ đầu nối, đường ống vào mỗi nhà gồm các loại cáp thông tin cơ bản như cáp điện thoại, mạng nội bộ, mạng internet...

- Mạng dịch vụ điện thoại cơ bản.

+ Mạng điện thoại cơ bản giải quyết vấn đề liên lạc giữa các văn phòng làm việc và tổ chức hoà mạng điện thoại quốc gia thông qua các trung kế điện thoại bưu điện.

+ Xây dựng hệ thống tổng đài nội bộ trao đổi thông tin giữa các phòng làm việc trong tòa nhà mà không phải trả cước phí cho bưu điện.

- Mạng máy tính.

+ Tổ chức mạng LAN cho máy tính của các văn phòng làm việc nhằm trao đổi dữ liệu một cách dễ dàng thuận tiện.

+ Nguồn đầu nối hệ thống thông tin liên lạc dự kiến tại tủ MDF-04 (10.000 lines). Cáp thông tin liên lạc được treo trên cột hiện có từ tủ MDF-04 tới ranh giới trường, được hạ ngầm từ cột tới các khối nhà xây mới.

+ Hệ thống thiết bị trong tủ cáp phối, cáp quang đến tủ phân phối và từ tủ phân phối đến dự án sẽ do nhà mạng đầu tư, lắp đặt.

4. Quy hoạch cấp thoát nước và quản lý chất thải rắn

4.1. Quy hoạch cấp nước

a) Cấp nước sinh hoạt

Quy mô tính toán 1.170 học sinh, 53 cán bộ và giáo viên, 8 nhân viên

Tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt:

- Nhà lớp học : 20L/ng.ngđ

- Lượng nước phục vụ sinh hoạt trong 1 ngày:

+ Nhà lớp học (tính cả cán bộ, giáo viên trong trường):

$$Q_{ngđ} = (N \cdot q) / 1000 = ((1170 + 61) \cdot 20) / 1000 = 24,62 \text{ m}^3$$

$$\text{Tổng } Q = 24,62 \text{ m}^3$$

Lưu lượng nước chữa cháy bao gồm:

- Lưu lượng nước chữa cháy hòng nước vách tường 9 (m³/h), thời gian chữa cháy là 1(h) .

- Lượng nước dự trữ cần thiết cho chữa cháy :

$$V1 = 9 \times 1 = 9 \text{ (m}^3\text{)}$$

- Dung tích bể chứa nước sinh hoạt và chữa cháy là:

$$W = 24,62 + 9 = 33,52 \text{ (m}^3\text{)}$$

b) Giải pháp cấp nước.

- Nguồn nước sử dụng nguồn nước sạch của phường cấp cho trường hiện đang sử dụng. Hiện trường có 01 bể chứa nước sinh hoạt. Từ điểm đầu nối vào sử dụng ống nhựa HDPE D32.

- Mạng lưới kết hợp bổ sung thêm các tuyến ống thiết kế tạo thành mạng vòng để cấp nước an toàn và thuận tiện.

- Nhu cầu cấp nước theo quy mô mở rộng trường. Téc nước inox được đặt trên mái nhà lớp học xây mới bơm cấp từ bể nước hiện trạng. Nước trên mái nhà cấp tới các thiết bị sử dụng nước bên trong các công trình xây mới.

- Cấp nước chữa cháy sử dụng bể nước xây mới, cấp nước tới các trụ nước cứu hỏa để chữa cháy.

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt bao gồm:

+ Sử dụng áp lực của mạng lưới cấp nước ngoài nhà lên các tec nước mái của các công trình, tại tec đặt van phao tự khoá nước khi đầy.

+ Hệ thống đường ống cấp nước từ mạng lưới cấp nước ngoài nhà tới chân các công trình và phụ kiện dụng sản phẩm ống PPR. Đường kính ống cấp nước theo quy chuẩn D25, D32, D40, D50.

+ Nguồn nước cho tưới cây được lấy từ tec nước trên mái các công trình cấp tới các hòng nước ngoài nhà .

4.2. Quy hoạch thoát nước mưa.

- Mặt bằng trường cao hơn đường nội khu và cao hơn đường quy hoạch cách trường 40m do đó việc đầu nối thoát nước mưa với hệ thống thoát nước chung quy hoạch thuận lợi.

- Hiện tại thoát nước mưa tại trường theo dốc tự nhiên thoát về suối tiếp giáp phía đông ranh giới quy hoạch, tuy nhiên quy hoạch khu vực tiếp giáp xung quanh trường là đất ở và đất nông nghiệp nên cần có giải pháp quy hoạch thu thoát nước mưa cho trường hiện tại và dự kiến đầu nối với hệ thống thoát nước mưa quy hoạch đảm bảo tính khả thi của dự án, và phù hợp quy hoạch.

- Quy hoạch xây dựng rãnh thu thoát nước mưa quanh nhà xây mới, hố ga thu dẫn tới cống D300 thoát về rãnh thu nước mưa hiện trạng và theo rãnh hiện trạng thoát về phía đông và thoát ra đất nông nghiệp theo địa hình tự nhiên.

- Quy hoạch dự kiến đường thoát nước đặt ngầm thu nước từ hố ga cuối dẫn về phía đông để đầu nối với hệ thống thu nước đường quy hoạch mới và thoát về phía hệ thống thoát nước chung của phường. Phương án đầu nối với hệ thống thu thoát chung của đường quy hoạch và đường thoát nước chung của phường chỉ thực thi khi đường quy hoạch được đầu tư xây dựng.

4.3. Quy hoạch thoát nước bẩn.

- Lượng nước thải sinh hoạt bằng lượng nước cấp sinh hoạt: 24,62m³/ngày

- Thoát nước thải hiện trạng: Nước thải được xử lý qua bể tự hoại hợp cách trước rồi tới bể ngầm cho mỗi nhà riêng biệt, thoát tràn từ bể ngầm đầu ống thoát ra hố ga và rãnh thoát nước mưa.

- Quy hoạch thoát nước thải:

+ Với công trình xây mới: Nước thải khu vệ sinh thu về bể phốt, lắng lọc và thoát ra bể tự thấm, thoát tràn bể tự thấm dẫn về bể xử lý nước thải. Nước thải được xử lý đảm bảo thấp hơn giới hạn cho phép rồi mới thoát về hố ga và rãnh thu nước mưa.

+ Với công trình hiện trạng: Bổ sung các bể xử lý nước thải thu gom nước thoát tràn từ các bể tự ngầm hiện trạng. Nước thải được xử lý đảm bảo thấp hơn giới hạn cho phép rồi mới thoát về hố ga và rãnh thu nước mưa.

+ Phương án đầu nối hạ tầng quy hoạch mới: Quy hoạch dự kiến đường thoát nước đặt ngầm (thoát chung nước mưa và nước thải đã qua xử lý) thu nước từ hố ga cuối dẫn về phía đông để đầu nối với hệ thống thu nước đường quy hoạch mới và thoát về hệ thống thoát nước chung của phường.

4.4. Quy hoạch quản lý chất thải rắn

Chất thải rắn được thu gom, tập chung về 01 điểm và đưa về khu xử lý rác thải chung của phường để tiêu hủy. Đảm bảo không ô nhiễm đến môi trường xung quanh. Vị trí tập trung rác thải của trường đặt 01 vị trí phía tây đầu đường vào trường. Mỗi vị trí bố trí 03 thùng rác có nắp đậy và phân loại rác tại nguồn trước khi vận chuyển về điểm tập trung để xử lý rác của khu vực.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai quy hoạch theo đúng quy định pháp luật;
- Triển khai các bước công việc tiếp theo đảm bảo các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, môi trường, xây dựng, phòng cháy chữa cháy và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Lưu trữ đầy đủ hồ sơ theo quy định.
- Tổng hợp, tham mưu cho UBND phường xử lý các nội dung phát sinh theo thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Kỳ Lừa; Hiệu trưởng trường THCS Cao Lộc và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Đảng ủy phường;
- TT HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Trang TTĐT phường;
- Lưu: VP, KTHĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Đức Thọ